

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/11/2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Út R (TR), sinh năm 1991; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: khóm R, Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Kha Văn H, sinh năm 1980; (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm T, phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021 (BL01); Biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2021 (BL19) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị Út R (TR) trình bày: Vào năm 2018, bà Lý Thị Út R (TR) kết hôn với ông Kha Văn H và được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã VC cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2018. Do phát sinh mâu thuẫn, sống chung không hòa hợp tính tình, thường xảy ra cãi vã nên tình cảm ngày càng phai nhạt và mục đích hôn nhân không đạt

được. Về con chung và nợ chung: Không có. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau.

Nay bà Út R (TR) nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ không thể hàn gắn lại được, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Út R (TR) được ly hôn với ông H. Về con chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Út R (TR) đồng thời ông H cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Út R (TR) được ly hôn với ông H. Về con chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông H, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, bà Út R (TR) có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Út R (TR) và ông H theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Út R (TR) nhận thấy hôn nhân của bà Út R (TR) và ông H là tự tìm hiểu và đến với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/5/2018. Quan hệ hôn nhân của bà Út R (TR) và ông H không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến tH 3/2020 thì bà Út R (TR) và ông H ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do sống không hợp nhau, thường hay bất đồng ý kiến, bà Út R (TR) nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên có

nguyện vọng ly hôn. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Út R (TR) được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà Út R (TR) khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Út R (TR) khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Út R (TR) khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà Út R (TR) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Út R (TR) đối với bị đơn ông Kha Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Út R (TR) được ly hôn với anh Kha Văn H.

- Về con chung: Bà Út R (TR) khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Út R (TR) khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Út R (TR) khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Thị Út R (TR) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lý Thị Út R (TR) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0009432, ngày 02/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Út R (TR) đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Kha Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền KH cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền KH cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- UBND phường P;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng